

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 30/6/2018

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
1	Đỗ Thị Lan	Anh	CNTT01	30/5/1987	Yên Thế - Bắc Giang	-	-	-	Bảo lưu HS
2	Lê Nam	Anh	CNTT02	16/10/1995	Thọ Xương - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	-	-	-	Vắng thi
3	Phạm Thị Ngọc	Anh	CNTT03	18/6/1995	Hoàng Phụ - Hoàng Hóa - Thanh Hóa	6,5	5,5	Đạt	
4	Đinh Gia	Bảo	CNTT04	11/12/1995	Phú Nhuận - TP.Hồ Chí Minh	8,2	5,0	Đạt	
5	Chu Minh	Bích	CNTT05	01/01/1995	Trung Mỹ - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	7,0	5,0	Đạt	
6	Tạ Thị Kim	Bình	CNTT06	28/6/1987	TP. Hải Dương - Hải Dương	-	-	-	Bảo lưu HS
7	Đinh Văn	Bộ	CNTT07	19/10/1991	Cẩm Lý - Lục Nam - Bắc Giang	8,7	7,0	Đạt	
8	Đoàn Đắc	Cảnh	CNTT08	24/01/1998	Phú Hòa - Lương Tài - Bắc Ninh	8,0	5,0	Đạt	
9	Giáp Tuyết	Chinh	CNTT09	18/02/1996	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	8,2	9,5	Đạt	
10	Phạm Văn	Chinh	CNTT10	01/10/1987	Tân Sỏi - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	7,0	Đạt	
11	Chu Văn	Chương	CNTT11	23/8/1981	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	6,0	Đạt	
12	Nghiêm Xuân	Công	CNTT12	29/01/1996	Vĩnh Trai - TP.Lạng Sơn - Lạng Sơn	5,5	5,0	Đạt	
13	Nguyễn Văn	Công	CNTT13	10/11/1991	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	7,0	Đạt	
14	Dương Văn	Cương	CNTT14	10/8/1996	Lam Cốt - Tân yên - Bắc Giang	8,0	7,0	Đạt	
15	Đinh Văn	Diện	CNTT15	23/10/1997	Yên Lương - Ý Yên - Nam Định	7,0	6,5	Đạt	
16	Trần Hữu	Du	CNTT16	25/5/1985	Phù Lương - Quế Võ - Bắc Ninh	7,0	7,0	Đạt	
17	Đàm Đức	Duy	CNTT17	22/01/1990	Tam Tiến - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	7,0	Đạt	
18	Trần Hải	Dương	CNTT18	31/10/1996	Điệp Nông - Hưng Hà - Thái Bình	5,0	3,0	Không đạt	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
19	Trần Xuân	Điệp	CNTT19	27/7/1983	Nhã Nam - Tân Yên - Bắc Giang	7,0	6,5	Đạt	
20	Lê Thị Thu	Hà	CNTT20	09/4/1996	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	7,2	5,0	Đạt	
21	Nguyễn Thị	Hà	CNTT21	04/4/1983	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	7,5	Đạt	
22	Trương Hoàng	Hà	CNTT22	26/6/1995	Bằng An - Quế Võ - Bắc Ninh	5,5	5,0	Đạt	
23	Dương Quang	Hải	CNTT23	01/5/1996	Mỹ An - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,2	6,0	Đạt	
24	Nguyễn Gia	Hải	CNTT24	04/5/1996	Suối Hoa - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	7,2	5,0	Đạt	
25	Nguyễn Minh	Hạnh	CNTT25	22/12/1996	An Tường - TP.Tuyên Quang - Tuyên Quang	6,5	5,5	Đạt	
26	Hoàng Thị Thanh	Hằng	CNTT26	30/11/1995	Dương Hưu - Sơn Động - Bắc Giang	7,0	6,0	Đạt	
28	Nguyễn Thị	Hằng	CNTT27	28/10/1984	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	7,2	6,0	Đạt	
29	Chu Thị Kiều	Vân	CNTT27A	21/6/1996	Đoàn Đào - Phù Cừ - Hưng Yên	7,0	7,5	Đạt	
30	Đỗ Thị	Hiền	CNTT28	25/5/1998	Cao Thượng - Tân Yên - Bắc Giang	4,2	7,0	Không đạt	
31	Phùng Minh	Hiền	CNTT29	28/7/1996	Việt Yên - Bắc Giang	4,0	3,5	Không đạt	
32	Trần Thị	Hiền	CNTT30	05/02/1988	Hồng Lý - Vũ Thư - Thái Bình	8,2	9,0	Đạt	
33	Trần Văn	Hiến	CNTT31	08/11/1992	Hải Yến - Tĩnh Gia - Thanh Hóa	6,7	5,0	Đạt	
34	Nguyễn Trọng	Hiếu	CNTT32	31/7/1994	Ngọc Lâm - Mỹ Hào - Hưng Yên	6,7	6,5	Đạt	
35	Nguyễn Trung	Hiếu	CNTT33	18/7/1998	Nham Sơn - Yên Dũng - Bắc Giang	4,5	0,0	Không đạt	
36	Nguyễn Việt	Hoài	CNTT34	02/3/1984	Cao Xá - Tân Yên - Bắc Giang	5,0	7,0	Đạt	
37	Vũ Quang	Hợp	CNTT35	30/4/1996	Tân Đồng - Trấn Yên - Yên Bái	6,2	5,0	Đạt	
38	Nguyễn Văn	Hùng	CNTT36	20/01/1997	Hoàng Lương - Hiệp Hòa - Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	
39	Tòng Thái	Hùng	CNTT37	16/11/1996	TT. Thuận Châu - Thuận Châu - Sơn La	5,5	8,0	Đạt	
40	Thân Văn	Huy	CNTT38	08/3/1997	Tiên Phong - Yên Dũng - Bắc Giang	4,0	0,0	Không đạt	
41	Đặng Thu	Huyền	CNTT39	03/10/1995	Quỳnh Sơn - Yên Dũng - Bắc Giang	-	-	-	Bảo lưu HS

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
42	Nguyễn Thanh	Huyền	CNTT40	13/3/1984	Bố Hạ - Yên Thế - Bắc Giang	7,2	7,0	Đạt	
43	Nguyễn Thị	Hung	CNTT41	18/11/1992	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	7,0	Đạt	
44	Trần Duy	Hung	CNTT42	16/3/1996	Lĩnh Sơn - Anh Sơn - Nghệ An	6,7	7,5	Đạt	
45	Nguyễn Công	Khanh	CNTT43	25/5/1998	Hạp Lĩnh - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	8,5	6,5	Đạt	
46	Triệu Bằng	Khê	CNTT44	03/9/1996	Đức Long - Hòa An - Cao Bằng	7,0	5,5	Đạt	
47	Thân Thanh	Khuê	CNTT45	11/4/1974	Song Mai - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	6,5	6,5	Đạt	
48	Lục Mùi	Lai	CNTT46	16/10/1994	Triệu Nguyên - Nguyên Bình - Cao Bằng	7,0	1,0	Không đạt	
49	Trần Thị	Lan	CNTT47	30/8/1980	Tam Hiệp - Yên Thế - Bắc Giang	6,5	6,5	Đạt	
50	Phan Thị	Liêm	CNTT48	11/10/1995	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	5,7	5,5	Đạt	
27	Vy Thùy	Linh	CNTT49	10/5/1996	Chi Lăng - TP.Lạng Sơn - Lạng Sơn	7,0	5,0	Đạt	
51	Phạm Văn	Mạnh	CNTT50	14/12/1982	Tân Sỏi - Yên Thế - Bắc Giang	7,2	6,5	Đạt	
52	Giáp Phương	Nam	CNTT51	06/7/1996	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	5,0	2,0	Không đạt	
53	Hoàng Thị Như	Ngọc	CNTT52	13/6/1997	An Châu - Sơn Động - Bắc Giang	-	-	-	Vắng thi
54	Nguyễn Trọng	Phúc	CNTT53	02/02/1995	Thụy Phúc - Thái Thụy - Thái Bình	8,0	6,5	Đạt	
55	Hoàng Thị Thu	Phương	CNTT54	11/9/1996	Mỹ Xá - TP. Nam Định - Nam Định	8,0	7,0	Đạt	
56	Nguyễn Thị	Phương	CNTT55	20/10/1993	Tân Sỏi - Yên Thế - Bắc Giang	7,5	3,0	Không đạt	
57	Trần Văn	Phương	CNTT56	21/7/1969	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	Đạt	
58	Nguyễn Quang	Quảng	CNTT57	12/9/1985	Việt Ngọc - Tân Yên - Bắc Giang	8,5	7,0	Đạt	
59	Nguyễn Công	Quân	CNTT58	06/01/1997	Trường Sơn - Nông Cống - Thanh Hóa	7,2	0,5	Không đạt	
60	Ngô Văn	Sơn	CNTT59	24/10/1996	Nhân Lý - Chi Lăng - Lạng Sơn	7,5	5,0	Đạt	
61	Lò Bảo	Tâm	CNTT60	13/3/1995	Sam Mứn - Điện Biên - Điện Biên	9,2	9,0	Đạt	
62	Phan Thế	Tâm	CNTT61	10/12/1996	Đồng Kỳ - Yên Thế - Bắc Giang	6,0	4,0	Không đạt	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
63	Hoàng Văn	Thái	CNTT62	15/9/1977	Tam Tiến - Yên Thế - Bắc Giang	7,2	6,0	Đạt	
64	Nguyễn Ngọc	Thán	CNTT63	25/10/1996	Bảo Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	6,5	1,0	Không đạt	
65	Đoàn Thị	Thanh	CNTT64	04/5/1989	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,5	Đạt	
66	Đàm Văn	Thành	CNTT65	29/12/1996	Sơn Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,5	3,5	Không đạt	
67	Nguyễn Xuân	Thành	CNTT66	19/4/1996	Đình Tổ - Thuận Thành - Bắc Ninh	5,5	1,5	Không đạt	
68	Nguyễn Thị	Thảo	CNTT67	28/3/1996	An Thịnh - Lương Tài - Bắc Ninh	7,0	2,5	Không đạt	
69	Vi Phương	Thảo	CNTT68	17/12/1996	Mai Sao - Chi Lăng - Lạng Sơn	6,5	0,5	Không đạt	
70	Nguyễn Thị Hương	Thắm	CNTT69	06/12/1995	An Châu - Sơn Động - Bắc Giang	7,0	9,5	Đạt	
71	Hoàng Quyết	Thắng	CNTT70	20/10/1979	Hoàng Văn Thụ - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,2	6,5	Đạt	
72	Lý Xuân	Thịnh	CNTT71	10/10/1964	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	7,2	6,5	Đạt	
73	Đặng Thị Kim	Thoa	CNTT72	28/01/1993	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	Đạt	
74	Nguyễn Thị Hồng	Thom	CNTT73	20/11/1986	Lam Cốt - Tân Yên - Bắc Giang	7,0	7,0	Đạt	
75	Đoàn Bá	Khuê	CNTT73A	21/4/1997	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	5,0	5,0	Đạt	
76	Trần Văn	Chắt	CNTT73B	01/03/1984	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	6,0	5,5	Đạt	
77	Hoàng Văn	Thuận	CNTT74	01/01/1973	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	6,0	Đạt	
78	Giáp Văn	Tiếp	CNTT75	07/01/1980	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	6,5	Đạt	
79	Đoàn Quang	Tình	CNTT76	27/4/1995	Bản Bo - Tam Đường - Lai Châu	9,0	7,0	Đạt	
80	Nguyễn Văn	Toàn	CNTT77	27/4/1995	Hưng Thịnh - Trấn Yên - Yên Bái	6,0	7,0	Đạt	
81	Nguyễn Văn	Tới	CNTT78	23/5/1998	Bắc Lý - Hiệp Hòa - Bắc Giang	4,2	9,0	Không đạt	
82	Hoàng Lệ	Trinh	CNTT79	25/10/1993	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	6,5	Đạt	
83	Đỗ Đình	Trọng	CNTT80	31/10/1996	Thắng - Hiệp Hòa - Bắc Giang	8,7	9,0	Đạt	
84	Nguyễn Tiến	Trung	CNTT81	25/8/1987	Suối Hoa - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	-	-	-	Bảo lưu HS

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
85	Nguyễn Văn	Trường	CNTT82	01/12/1995	Đoàn Đào - Phù Cừ - Hưng Yên	7,0	6,5	Đạt	
86	Đỗ Xuân	Tuân	CNTT83	01/8/1983	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	7,0	Đạt	
87	Nguyễn Văn	Tuấn	CNTT84	07/3/1985	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	7,0	Đạt	
88	Nguyễn Xuân	Tuấn	CNTT85	21/4/1996	Đông Song - Chương Mỹ - Hà Nội	9,0	0,0	Không đạt	
89	Thân Đức	Tuấn	CNTT86	28/0/1995	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	3,0	0,0	Không đạt	
90	Vương Quốc	Tuấn	CNTT87	10/9/1994	Nội Thôn - Hà Quảng - Cao Bằng	7,0	6,5	Đạt	
91	Nguyễn Hữu	Tùng	CNTT88	16/10/1996	Hiên Viên - Tiên Du - Bắc Ninh	6,0	5,5	Đạt	
92	Phạm Lâm	Tùng	CNTT89	29/4/1995	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	5,2	6,5	Đạt	
93	Thân Đức	Uyển	CNTT90	29/7/1974	Hoàng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	5,5	Đạt	
94	Đỗ Văn	Vũ	CNTT91	26/3/1997	Phù Lưu Tế - Mỹ Đức - Hà Nội	4,2	6,5	Không đạt	
95	Nguyễn Tuấn	Vũ	CNTT92	02/9/1994	Phượng Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,7	6,5	Đạt	
96	Nguyễn Thị	Xuyến	CNTT93	05/3/1986	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

96

Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau:

6

Số thí sinh dự thi:

90

Số thí sinh đạt yêu cầu:

71

Số thí sinh không đạt yêu cầu:

19

Chủ tịch Hội đồng thi

Bắc Giang, ngày 05 tháng 7 năm 2018

Thư ký Hội đồng thi

ThS. Đỗ Thị Huyền

ThS. Vũ Thị Hoài Thu